

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-3-2019

V/v: ly hôn giữa chị C
và anh L

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thuận

Bà Nguyễn Thị Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 283/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu C, sinh năm: 1996, “có mặt”

Địa chỉ: Tổ 17 khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Anh Phan Thanh L, sinh năm 1992, “vắng mặt”

HKTT: Tổ 4 khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu C trình bày:*

Về hôn nhân: Chị C và anh L tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng

Tàu. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu thì sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L không lo làm ăn, ghen tuông vô cớ và thường xuyên uống rượu về kiêu có gây gổ, chửi mắng và đánh đập chị C, lần gần đây nhất là vào ngày 24-11-2018 anh L đã dùng dao gây thương tích ở vùng má phải của chị C phải điều trị tại Trung tâm y tế huyện Đất Đỏ, từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay. Mặc dù chị C đã cố gắng níu kéo nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thay đổi, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 02 con chung là Phan Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 02-3-2015 và Phan Minh T, sinh ngày 23-4-2016. Ly hôn, chị C xin được trực tiếp nuôi dưỡng con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị C xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

2. Bị đơn anh Phan Thanh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có bản tự khai nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh L.

3. Tại Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân thể hiện: Quá trình chung sống chị C và anh L có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L thường ghen tuông vô cớ và ngày 24-11-2018 anh L dùng dao gây thương tích cho chị C, từ đó hai người ly thân cho đến nay.

4. *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn anh L, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định, do vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh L là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến trình bày của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

- Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị C xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Đất Đỏ nên Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về hôn nhân:* Chị C và anh L kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ theo giấy chứng nhận kết hôn số 236 ngày 05-11-2014 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Chị C trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh L có tính hay ghen và thường xuyên uống rượu về vô cớ gây gổ, chửi mắng và đánh đập chị C, lần gây thương tích nặng nhất cho chị C là ngày 24-11-2018 anh L đã dùng dao chém vào vùng má phải của chị C phải nhập viện điều trị. Do quá sợ hãi nên sau khi xuất viện chị C không dám về nhà mà ở nhà cha mẹ và cũng từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị C xin ly hôn với anh L để trả tự do cho nhau.

Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập anh L đến Tòa làm việc nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi thể hiện việc anh L không tích cực trong việc hòa giải, hàn gắn quan hệ vợ chồng, không thiết tha cuộc sống hôn nhân với chị C. Qua kết quả xác minh tại nơi cư trú của vợ chồng thì địa phương cho biết vợ chồng chị C, anh L đã sống ly thân từ ngày anh L dùng dao gây thương tích cho chị C đến nay.

Từ đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị C, anh L là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh L.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Anh L không tham gia vào quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thấy rằng anh L tự từ bỏ quyền lợi của mình về con chung. Xét yêu cầu của chị C về việc được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phan Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 02-3-2015 và Phan Minh T, sinh ngày 23-4-2016 cho đến khi trưởng thành có căn cứ, phù hợp các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị C được quyền nuôi dưỡng con chung nên có quyền yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình. Xét mức cấp dưỡng mà chị C yêu cầu đối với mỗi con là 1.000.000đồng/tháng là phù hợp với khả năng thực tế của anh L và nhu cầu thiết yếu của các con. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị C, buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

[2.4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị C xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị C phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh L không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu C được ly hôn với anh Phan Thanh L.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Phan Nguyễn Ngọc Thư, sinh ngày 02-3-2015 và Phan Minh Thiện, sinh ngày 23-4-2016 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000đồng (Một triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị C và anh L đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị C xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị C phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0003794 ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Chị C đã nộp đủ tiền án phí.

- Anh L phải chịu tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng), không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND thị trấn Đ;
- (GCNKH số 236, ngày 05-11-2014)
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Dung